TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TB
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHU NGHIA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2023/HS- ST
Ngày: 17/8/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB, TỈNH PHÚ THỌ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Hòa
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Vương Thị Thu
2. Ông Hà Ngọc Lĩnh.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thu Hậu- Thư ký của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Phú Thọ.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB tham gia phiên tòa*: Ông Đỗ Anh Tú- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 30/2023/TLST- HS ngày 28 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST- HS ngày 03 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Hoàng Quang T- sinh ngày 02 tháng 12 năm 1982 tại huyện TB, tỉnh Phú Thọ; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Khu 10, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (Bị đình chỉ sinh hoạt Đảng ngày 17/4/2023); con ông Hoàng Văn B sinh năm 1953 và bà Hà Thị C sinh năm 1954; có vợ là Cao Thị Thanh H (đã ly hôn năm 2019) và 02 con (lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 15/4/2023 đến ngày 28/4/2023 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh; hiện tại ngoại tại thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

- Bị hại: Anh Lê Thành T1, sinh năm 1985, chị Lê Thị L, sinh năm 1992 (là vợ anh T1)

Đều trú tại: Khu Đ1, xã Đ, huyện TB, tỉnh Phú Thọ.

- Người làm chứng:

1. Anh Hà Phong D, sinh năm 1982

Trú tại: Khu Đ 2, xã Đ, huyện TB, tỉnh Phú Thọ.

2. Anh Lê Văn Th, sinh năm 1989

Trú tại: Khu Đ1, xã Đ, huyện TB, tỉnh Phú Thọ.

(Các bị hại và người làm chứng đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Lê Trường Th1, sinh năm 1956, trú tại khu Đ1, xã Đ, huyện TB, tỉnh Phú Thọ có thửa đất số 222, tờ bản đồ số 8 (Bản đồ 299), diện tích ghi trên giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất là 812 m^2, đất có mục đích sử dụng là đất nuôi trồng thủy sản (Đất ao). Thửa đất trên, ông Th1 cho con trai là anh Lê Thành T1, sinh năm 1985, trú tại khu Đ1, xã Đ, tuy nhiên chưa làm thủ tục đề nghị chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tách thửa đất để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T1.

Cuối năm 2019, anh Lê Thành T1 muốn chuyển đổi mục đích sử dụng đối với thửa đất trên sang đất thổ cư để được phép làm nhà ở. Do không biết có thể chuyển đổi mục đích sử dụng đất được hay không, anh T1 có nói chuyện với anh Hà Phong D, sinh năm 1982, trú tại khu Đ2, xã Đ khi đó là trưởng khu Đ2 và nhờ anh D có mối quan hệ thì hỏi giúp. Anh D có quen biết với Hoàng Quang T, sinh năm 1982, trú tại khu 10, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Phú Thọ, khi đó là chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường huyện TB, phụ trách địa bàn xã Đ. Anh D nói chuyện với T, thì T nói chuyển đổi mục đích sử dụng đất được. Anh D nói lại với anh T1. Sau đó, anh T1 xin số điện thoại của T từ anh D. Anh T1 và T nói chuyện với nhau, T nhận lời giúp anh T1 làm hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cho biết, chi phí hết từ 280.000.000đ đến 300.000.000đ; T yêu cầu anh T1 đưa trước 150.000.000đ.

Đến cuối tháng 4/2020, T hẹn gặp anh T1 tại quán cà phê HL ở khu Đ2, xã Đ để nói chuyện và đề nghị anh T1 mang theo số tiền 150.000.000đ để T làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Buổi trưa ngày hôm sau, anh T1 cùng vợ là chị Lê Thị L, sinh năm 1992, trú tại khu Đ1, xã Đ đến gặp anh D và nhờ anh D đi cùng để làm chứng việc anh T1 đưa tiền cho T. Tại quán cà phê HL, anh T1 có đặt vấn đề hỏi T, và nhắc lại nhiều lần về việc muốn chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất ao sang đất ở. T vẫn khẳng định có thể làm được. Anh T1 đưa cho T số tiền100.000.000đ. T đề nghị anh T1 đưa thêm 50.000.000 đ. Anh T1 đồng ý và hẹn một, hai hôm sẽ đưa tiếp tiền cho T. Sau khi nhận được 100.000.000đ, T yêu cầu anh T1 phô tô chứng minh nhân dân của anh T1, chị L và sổ hộ khẩu đưa cho T.

Ngày hôm sau, anh T1 đưa cho chị L 50.000.000đ và nói: *"Đủ tiền đấy, em mang sang đưa cho ông D, nhờ ông ấy đưa cho T nhé, vừa điện cho T xong thì T bảo bận không xuống được"*. Chị L cầm tiền đến nhà anh Hà Phong D, nhờ anh D đưa cho T số tiền này. Anh D gọi điện thoại cho T, bảo T qua lấy tiền mà anh T1 đưa. T đồng ý và gọi điện thoại cho anh Lê Văn Th, sinh năm 1989, trú tại khu Đ1, xã Đ, là bạn của T, nhờ anh Th qua nhà anh D lấy tiền giúp. Sau đó, anh Th đã nhận hộ T 50.000.000đ từ anh D và đã chuyển lại cho T vào buổi trưa cùng ngày tại khu 9, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Phú Thọ. Việc anh Th lấy giúp T số tiền trên, anh Th không biết là khoản tiền gì và không được hưởng lợi gì.

Sau khoảng thời gian này, anh T1 liên tục gọi điện thoại cho T để hỏi về tiến độ làm hồ sơ cho anh T1, T vẫn trả lời là "hồ sơ đã hoàn thiện, chỉ đợi Lãnh đạo duyệt", "Anh đang làm hồ sơ, đợi đợt xen ghép đất". T không yêu cầu anh T1 cung cấp thêm bất cứ tài liệu, giấy tờ gì.

Đến đầu năm 2022, sau gần hai năm vẫn chưa thấy kết quả, anh T1 gọi điện thoại cho T đề nghị T nếu không làm được thì trả lại tiền cho anh T1. T vẫn hứa hẹn là đang làm. Tuy nhiên, T biết rõ thời điểm đó tại xã Đ không thực hiện giao đất xen ghép, nên không chuyển đổi mục đích sử dụng được nhưng vẫn nhận tiền của anh T1, sau đó sử dụng số tiền này để chi tiêu cá nhân. T cũng không thực hiện bất cứ nội dung công việc gì liên quan đến các thủ tục để chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho anh T1 như đã hứa hẹn.

Đến tháng 6/2022, anh T1 tiếp tục gọi điện thoại cho T, nói không làm hồ sơ nữa, đồng thời yêu cầu T trả lại toàn bộ số tiền đã nhận. T xin khất một thời gian sẽ trả. Do nể, anh T1 đồng ý. Tuy nhiên, sau đó anh T1 đã đòi rất nhiều lần, T vẫn không trả tiền cho anh T1, nên anh T1 có đơn tố cáo Hoàng Quang T về hành vi chiếm đoạt tài sản gửi đến Cơ quan CSĐT Công an huyện TB, đề nghị điều tra làm rõ.

Kết quả điều tra xác định:

- Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện TB, bộ phận một cửa UBND huyện TB, Phòng tài nguyên và Môi trường huyện TB xác định: Từ năm 2019 đến 2023, các phòng, ban trên không nhận được bất cứ hồ sơ, giấy tờ, thủ tục gì liên quan đến thửa đất số 222, tờ bản đồ số 8 (Bản đồ 299) tại xã Đ của ông Lê Trường Th1 hoặc anh Lê Thành T1.

- Về quá trình công tác của Hoàng Quang T: Từ năm 2019 đến năm 2021, Hoàng Quang T là chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện TB, tuy nhiên Hoàng Quang T không được giao nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ liên quan đến các thủ tục về đất đai của công dân.

Về dân sự: Hoàng Quang T đã giao nộp cho cơ quan điều tra số tiền 150.000.000đ để bồi thường cho bị hại. Cơ quan CSĐT Công an huyện TB đã trả lại cho anh Lê Thành T1 150.000.000đ; anh T1 và chị Lê Thị L (vợ anh T1) không yêu cầu bồi thường gì khác.

Tại Bản cáo trạng số: 32/CT- VKSTB ngày 25/7/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, tỉnh Phú Thọ đã truy tố Hoàng Quang T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Quang T khai nhận đã thực hiện hành vi đúng như Cáo trạng truy tố.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB giữ nguyên quyết định truy tố đối với Hoàng Quang T và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

a) Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Quang T phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Về hình phạt chính: Xử phạt Hoàng Quang T từ 30 đến 36 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

b) Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự:

Xác nhận anh Lê Thành T1 đã nhận đủ số tiền 150.000.000đ do Hoàng Quang T bồi thường. Anh T1 không có yêu cầu gì khác.

c) Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Buộc bị cáo Hoàng Quang T phải chịu phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

* Bị cáo Hoàng Quang T không tranh luận, không bào chữa.

* Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận, mong sự khoan hồng của pháp luật, cho bị cáo cơ hội để làm lại từ đầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong vụ án này, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2]. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên toà Hoàng Quang T khai: Trước và sau khi nhận tiền của bị hại, bị cáo nói với bị hại là: "Có thể làm được, có thể không" ("Làm" tức là chuyển đổi mục đích sử dụng đất và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Tuy không có mặt tại phiên toà nhưng lời khai tại cơ quan điều tra của các bị hại là vợ chồng anh Lê Thành T1, chị Lê Thị L và người làm chứng là anh Hà Phong D được thể hiện trong các biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất giữa bị cáo và bị hại đều khẳng định T nói: "Chắc chắn làm được, làm nhanh vì các nhà ở khu vực đó đều đã có bìa đỏ". Các tình tiết khác bị cáo đều công nhận nội dung cáo trạng nêu là đúng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, Hoàng Quang T vẫn thừa nhận Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng, không oan sai.

Lời khai của bị cáo cơ bản phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu điều tra khác. Như vậy có đủ cơ sở kết luận:

Năm 2020, lợi dụng danh nghĩa là chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện TB, Hoàng Quang T mặc dù biết không thể chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với thửa đất nuôi trồng thủy sản (Đất ao) của ông Lê Trường Th1 (bố đẻ của anh Lê Thành T1) sang đất ở, đất vườn, nhưng đã không đưa ra thông tin trung thực với bị hại, mà vẫn hứa hẹn sẽ giúp làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. T yêu cầu anh T1 đưa trước 150.000.000đ để làm thủ tục. Vợ chồng anh T1 tin tưởng là thật, nên đã đưa cho T 150.000.000đ. Sau khi nhận tiền, T đã chi tiêu cá nhân hết, mà không thực hiện bất cứ thủ tục gì để đề nghị chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho gia đình anh T1.

[3]. Hành vi nêu trên của Hoàng Quang T đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, tỉnh Phú Thọ đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

……

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

.....

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

.....

đ) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức; ……...

[4]. Tội phạm mà Hoàng Quang T thực hiện là nghiêm trọng. Hành vi của Hoàng Quang T đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, do vậy cần phải xử lý nghiêm.

[5]. Tuy nhiên, cũng xem xét Hoàng Quang T có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã tích cực bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; có bố đẻ là thương binh. Vì vậy bị cáo được áp dụng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 02 tình tiết quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và 01 tình tiết theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6]. Hoàng Quang T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử phạt bị cáo hình phạt tù, cho hưởng án treo, cũng đủ để bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành công dân tốt.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành ngề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản". Xét Hoàng Quang T không có tài sản riêng, hiện nay là lao động tự do, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8]. Anh Hà Phong D là người liên hệ với Hoàng Quang T, nhờ T giúp anh Lê Thành T1 chuyển đổi mục đích sử dụng đất, nhận hộ 50.000.000đ từ anh T1 rồi chuyển cho T, nhưng anh D không được lợi gì, cũng không biết T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh D là phù hợp.

[9]. Anh Lê Văn Th là người được Hoàng Quang T nhờ đến nhà anh D lấy giúp 50.000.000đ; anh Th không được lợi gì, cũng không biết T có hành vi lừa

đảo chiếm đoạt tài sản. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Lê Văn Th là phù hợp.

[10]. Về dân sự: Trong giai đoạn điều tra, Hoàng Quang T đã nộp đủ 150.000.000đ tại cơ quan điều tra để bồi thường cho bị hại. Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản gì khác. Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện TB đã trả cho anh Lê Thành T1 150.000.000đ. Như vậy, bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại, cần xác nhận.

[11]. Về án phí: Bị cáo Hoàng Quang T bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; Điều 589 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

* Về trách nhiệm hình sự:

- Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Quang T phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Xử phạt Hoàng Quang T 30 (Ba mươi) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Hoàng Quang T cho UBND thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Nếu người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo phải thực hiện các nghĩa vụ của người được hưởng án treo theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của Bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Hoàng Quang T.

* Về dân sự: Xác nhận Hoàng Quang T đã bồi thường xong cho bị hại, số tiền là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Hoàng Quang T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKS huyện, tỉnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- Công an huyện TB;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- UBND thị trấn TB**;**
- Chi cục THADS huyện TB;
- Thi hành án hình sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ**;**
- Lưu hồ sơ, VP.

Vũ Thị Minh Hòa